

VĂN BẢN HỢP NHẤT**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG**
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
Ban hành Quy định về quản lý và sử dụng dê đực giống

Quyết định số 108/2007/QĐ-BNN, ngày 31/12/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy định về quản lý và sử dụng dê đực giống, có hiệu lực kể từ ngày 25/01/2008;

Thông tư số 19/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 5 năm 2011.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Pháp lệnh giống vật nuôi số 16/2004/PL-UBTVQH11 ngày 24 tháng 3 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 11;

Căn cứ nghị định số 86/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chăn nuôi,¹

¹ Thông tư số 19/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3, Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 như sau:”

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về quản lý và sử dụng dê đực giống”.

Điều 2². Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Chăn nuôi, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: 18/VBHN-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2015

BỘ TRƯỞNG

Cao Đức Phát

² Điều 11 Thông tư số 19/2011/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 5 năm 2011 quy định như sau:

“Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký.

2. Cục trưởng Cục Chăn nuôi, Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.”

QUY ĐỊNH**Về quản lý và sử dụng dê đực giống**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 108/2007/QĐ-BNN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài nuôi dê đực giống tại Việt Nam để sản xuất tinh đông lạnh, tinh lỏng sử dụng trong thụ tinh nhân tạo hoặc để phối giống trực tiếp (sau đây gọi là cơ sở nuôi dê đực giống).

Điều 2. Cơ sở nuôi dê đực giống phải thực hiện các quy định trong Pháp lệnh giống vật nuôi và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Các từ ngữ dùng trong Quy định này được hiểu như sau:

1. Cơ sở nuôi dê đực giống là nơi nuôi dê đực để sản xuất tinh sử dụng thụ tinh nhân tạo hoặc để phối giống trực tiếp.

2. Chứng chỉ chất lượng giống là văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chứng nhận phẩm cấp giống đối với dê đực giống.

3. Tinh dê đông lạnh là tinh dịch dê đực được bảo quản trong Nitơ lỏng ở nhiệt độ -196°C

4. Tinh dê lỏng là tinh dịch dê pha loãng được bảo quản ở nhiệt độ 5°C .

Chương II**QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG DÊ ĐỰC GIỐNG ĐỂ SẢN XUẤT TINH ĐÔNG LẠNH**

Điều 4. Cơ sở nuôi dê đực giống để sản xuất tinh đông lạnh phải bảo đảm các điều kiện quy định tại điểm a, b, c, đ và e khoản 1 Điều 19 và khoản 1 Điều 20 của Pháp lệnh giống vật nuôi, đồng thời phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

1. Dê đực giống để sản xuất tinh đông lạnh là dê đực đã được kiểm tra năng suất cá thể. Dê đực giống phải có lý lịch ba đời, kèm theo phiếu kiểm dịch thú y hàng năm, chứng chỉ chất lượng giống. Mỗi đực giống đều được đánh số và vào sổ theo dõi theo quy định.

2. Số lượng dê đực giống để sản xuất tinh đông lạnh trong một cơ sở không ít hơn 3 con đực giống làm việc cho một giống.

3. Chuồng trại phải bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn vệ sinh thú y và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về thú y và pháp luật về bảo vệ môi trường. Diện tích chuồng nuôi tối thiểu $2,5\text{m}^2/\text{con}$ (không bao gồm diện tích máng ăn, máng uống) và sân chơi không dưới $5\text{m}^2/\text{con}$.

4. Có hoặc thuê nhân viên kỹ thuật được đào tạo, cấp chứng chỉ về kỹ thuật khai thác, pha chế, sản xuất và bảo quản tinh đông lạnh do cơ quan có thẩm quyền cấp.

5. Có đủ sổ theo dõi chất lượng tinh, trang thiết bị và vật tư chuyên ngành phục vụ cho khai thác, kiểm tra, đánh giá chất lượng tinh, pha chế, sản xuất và bảo quản tinh.

Điều 5. Trong thời gian khai thác tinh, dê đực giống phải được theo dõi và kiểm tra định kỳ mỗi tháng một lần về chỉ tiêu tỷ lệ tinh trùng kỳ hình (K). Mỗi lần khai thác tinh phải kiểm tra các chỉ tiêu: màu sắc, mùi, lượng xuất tinh (V), hoạt lực của tinh trùng (A), nồng độ tinh trùng (C) và độ pH. Kết quả kiểm tra chất lượng tinh phải được ghi chép đầy đủ, chính xác vào sổ, biểu mẫu theo quy định (Phụ lục 5, 6, 7).

Điều 6. Khai thác, kiểm tra chất lượng, pha chế, bảo tồn, phân phối, vận chuyển tinh dê phải thực hiện theo đúng các quy định kỹ thuật thụ tinh nhân tạo dê do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

Điều 7. Hàng năm cơ sở nuôi dê đực giống phải thực hiện bình tuyển, giám định và loại thải những con không đủ tiêu chuẩn giống. Các cơ sở nuôi dê đực giống phải báo cáo định kỳ sáu tháng một lần về chất lượng dê đực giống, chất lượng tinh, kết quả sản xuất và tiêu thụ tinh dê với cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 8. Số lần khai thác tinh không quá 03 lần/tuần; tuổi bắt đầu khai thác sử dụng tinh của dê đực giống nội, dê lai và không ít hơn 12 tháng tuổi; dê đực giống ngoại không ít hơn 15 tháng tuổi; thời gian sử dụng dê đực giống không quá 4 năm.

Điều 9. Dê đực giống phải được tiêm phòng vacxin và kiểm tra các bệnh truyền nhiễm theo quy định. Nghiêm cấm khai thác, lưu hành và sử dụng tinh dê đực giống đang bị bệnh, trong thời kỳ ủ bệnh hoặc trong ổ dịch.

Điều 10³. Môi trường mới để pha loãng, bảo tồn tinh dê đực sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu lần đầu chỉ được đưa vào sử dụng và lưu thông trên thị trường sau khi đã được khảo nghiệm và có quyết định của Cục trưởng Cục Chăn nuôi cho phép ứng dụng trong sản xuất trên cơ sở kết quả nghiệm thu, đánh giá của

³ Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1, Điều 4 của Thông tư số 19/2011/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/5/2011.

Hội đồng khoa học do Cục thành lập. Phí khảo nghiệm do tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu chịu trách nhiệm.

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu môi trường pha loãng, bảo tồn tinh dê để khảo nghiệm phải gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký nhập khẩu về Cục Chăn nuôi. Hồ sơ bao gồm:

- a) Đơn đăng ký nhập khẩu (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này);
- b) Các thông tin về các chỉ tiêu kỹ thuật của môi trường pha loãng, bảo tồn tinh. Hồ sơ là bản gốc kèm theo bản dịch ra tiếng Việt của cơ quan dịch thuật;
- c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với đơn vị thuộc diện phải đăng ký kinh doanh) hoặc Giấy phép đầu tư (đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) có xác nhận của tổ chức đăng ký nhập khẩu đối với trường hợp đăng ký nhập khẩu lần đầu.

Thời gian giải quyết hồ sơ: trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ Chi phí khảo nghiệm do tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu chịu trách nhiệm (Phụ lục 2, 3).

Điều 11⁴. Tổ chức, cá nhân xuất/nhập khẩu dê đực giống có trong Danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh, tinh dê đực giống phải gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký xuất/nhập khẩu về Cục Chăn nuôi. Hồ sơ bao gồm:

- a) Đơn đăng ký nhập khẩu (Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này);
- b) Hồ sơ lý lịch giống của tinh có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu. Hồ sơ là bản gốc kèm theo bản dịch ra tiếng Việt của cơ quan dịch thuật;
- c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với đơn vị thuộc diện phải đăng ký kinh doanh) hoặc Giấy phép đầu tư (đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) có xác nhận của tổ chức đăng ký nhập khẩu đối với trường hợp đăng ký nhập khẩu lần đầu.

Thời gian giải quyết hồ sơ: trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ

Chương III

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG DÊ ĐỰC GIỐNG ĐỂ SẢN XUẤT TINH LÔNG

Điều 12. Cơ sở nuôi dê đực giống để sản xuất tinh lông phải bảo đảm các điều kiện quy định tại Điều 4 Quy định này, có hoặc thuê kỹ thuật viên đã được đào tạo, cấp chứng chỉ về kỹ thuật khai thác, kiểm tra, pha chế, sản xuất và bảo quản tinh lông của cơ quan có thẩm quyền cấp.

⁴ Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2, Điều 4 của Thông tư số 19/2011/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/5/2011.

Điều 13. Trong thời gian sản xuất tinh lỏng, dê đực giống phải được theo dõi và kiểm tra định kỳ 03 tháng một lần chỉ tiêu tỷ lệ tinh trùng kỳ hình (K). Mỗi lần khai thác tinh phải kiểm tra các chỉ tiêu: màu sắc, mùi, lượng xuất tinh (V), hoạt lực của tinh trùng (A), nồng độ tinh trùng (C) và độ pH. Kết quả kiểm tra chất lượng tinh dịch phải được ghi chép đầy đủ, chính xác vào sổ biểu mẫu theo quy định.

Điều 14. Khai thác, kiểm tra, chất lượng, pha chế, sản xuất, bảo tồn, phân phối, pha chế, sản xuất, bảo tồn, phân phối, vận chuyển tinh phải tuân thủ theo các quy định kỹ thuật thụ tinh nhân tạo dê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Bao bì đựng tinh lỏng phải có nhãn theo quy định pháp luật về ghi nhận hàng hóa.

Điều 15. Cơ sở nuôi dê đực giống phải thực hiện các quy định tại Điều 9, 10, 11 của Quy định này.

Chương IV **QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG DÊ ĐỰC GIỐNG ĐỂ** **PHỐI GIỐNG TRỰC TIẾP**

Điều 16. Cơ sở sản xuất, kinh doanh dê đực giống để phối giống trực tiếp phải tuân thủ theo Điều 19 của Pháp lệnh giống vật nuôi.

Điều 17. Dê đực giống sử dụng để phối giống trực tiếp phải được tiêm phòng vacxin và kiểm tra các bệnh truyền nhiễm theo quy định của ngành thú y.

Điều 18. Tuổi dê đực giống bắt đầu phối giống trực tiếp từ 10 tháng tuổi trở lên đối với các giống dê nội, dê lai, không ít hơn 13 tháng tuổi đối với dê ngoại. Thời gian sử dụng dê đực để phối giống trực tiếp trong một đàn không quá 2 năm, tránh phối giống đồng huyết.

Chương V **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CHĂN NUÔI DÊ ĐỰC GIỐNG**

Điều 19. Phân cấp quản lý Nhà nước đối với cơ sở nuôi dê đực giống như sau:

1. Cục Chăn nuôi có trách nhiệm:

a) Thực hiện quản lý Nhà nước về chất lượng dê đực giống trên phạm vi cả nước, quản lý chất lượng giống các cơ sở chăn nuôi dê đực giống để sản xuất tinh đông lạnh và các cơ sở dê giống gốc do Bộ quản lý;

b) Ban hành các biểu mẫu theo dõi, đánh giá, quản lý chất lượng giống đối với dê đực giống trên phạm vi cả nước;

c) Tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện quy định quản lý và sử dụng dê đực giống của các cơ sở sản xuất, kinh doanh dê đực giống.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a)⁵ (**được bãi bỏ**)

b) Hàng năm tổ chức thực hiện bình tuyển đực giống ở các cơ sở chăn nuôi dê đực giống thuộc Sở quản lý;

c) Chỉ đạo cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành cấp huyện tổ chức thực hiện việc bình tuyển, giám định đàn dê đực giống phối giống trực tiếp trên địa bàn;

d) Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy định quản lý và sử dụng dê đực giống của các cơ sở nuôi dê đực giống trên địa bàn do tỉnh, thành phố quản lý;

đ) Báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Chăn nuôi) về công tác quản lý Nhà nước số lượng, chất lượng dê đực giống trên địa bàn tỉnh, thành phố một lần/năm vào tháng 12 hàng năm.

3. Cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành cấp huyện:

a) Quản lý Nhà nước đối với chất lượng dê đực giống sử dụng để phối giống trực tiếp tại cơ sở chăn nuôi trên địa bàn;

b) Tổ chức thực hiện việc bình tuyển dê đực giống trên địa bàn;

c) Báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công tác quản lý Nhà nước về số lượng, chất lượng dê đực giống trên địa bàn vào tháng 11 hàng năm.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Kiểm tra, giám sát các cơ sở nuôi dê đực giống trên địa bàn chấp hành nghiêm chỉnh quy định này;

b) Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành cấp huyện tổ chức kê khai, kiểm kê lập danh sách các hộ chăn nuôi đực giống; thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính trong công tác quản lý dê đực giống theo phân cấp.

Điều 20. Các đơn vị trong phạm vi trách nhiệm của mình, nếu có vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy định, đề nghị phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét, giải quyết./.

⁵ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4, Điều 10 của Thông tư số 19/2011/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/5/2011.

Phụ lục 1⁶

Mẫu đơn đăng ký nhập khẩu môi trường pha loãng, bảo tồn tinh
(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU
MÔI TRƯỜNG PHA LOÃNG, BẢO TỒN TINH...

Kính gửi: Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và PTNT

Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu:

Địa chỉ:

Điện thoại:.....; Fax:.....; Email:.....

Đề nghị Cục Chăn nuôi đồng ý để..... nhập khẩu môi trường dùng để pha loãng, bảo tồn tinh..... có số lượng và một số chỉ tiêu kỹ thuật chính như sau:

| Số TT | Tên môi trường pha loãng, bảo tồn | Thành phần và chỉ tiêu kỹ thuật của môi trường | Số lượng | Xuất xứ |
|-------|-----------------------------------|--|----------|---------|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| 3 | | | | |
| ... | | | | |

Thời gian nhập khẩu:

Cảng nhập khẩu:

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

⁶ Phụ lục này được thay thế theo quy định tại điểm a, Điều 10 của Thông tư số 19/2011/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/5/2011.

Phụ lục 2⁷**Mẫu đơn đăng ký nhập khẩu tinh***(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU TINH...

Kính gửi: Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và PTNT

Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:.....; Fax:.....; Email:.....

Đề nghị Cục Chăn nuôi đồng ý để..... nhập khẩu.....
tinh..... Cụ thể như sau:

| Số TT | Tên giống | Phẩm cấp giống | Số hiệu đực giống (hoặc số hiệu con bố và mẹ của phôi) | Số lượng tinh/phôi | Năm sản xuất | Xuất xứ |
|-------|-----------|----------------|--|--------------------|--------------|---------|
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| 3 | | | | | | |
| ... | | | | | | |

Thời gian nhập khẩu:.....

Cảng nhập khẩu:.....

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu*(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)*

⁷ Phụ lục này được thay thế theo quy định tại điểm a, Điều 11 của Thông tư số 19/2011/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/5/2011.

Phụ lục 03**TÊN CƠ QUAN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../

....., ngày..... tháng..... năm.....

V/v Khảo nghiệm môi trường pha loãng tinh dê

**ĐƠN XIN KHẢO NGHIỆM MÔI TRƯỜNG
PHA LOÃNG, BẢO TỒN TINH DÊ****Kính gửi:** Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và PTNT

Tên tổ chức, cá nhân xin khảo nghiệm:.....

Giấy đăng ký kinh doanh số:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Đề nghị Cục Chăn nuôi cho phép khảo nghiệm môi trường dùng để pha loãng, bảo tồn tinh dê có số lượng và một số chỉ tiêu kỹ thuật chính như sau:

| STT | Tên môi trường pha loãng | Thành phần và chỉ tiêu kỹ thuật của môi trường | Số lượng (ml) | Xuất xứ |
|-----|--------------------------|--|---------------|---------|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| 3 | | | | |
| 4 | | | | |
| | | | | |

Tổng số:.....

Bằng chữ:

Thời gian khảo nghiệm:.....

Địa điểm khảo nghiệm:

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHẢO NGHIỆM
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 4**TÊN CƠ QUAN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số:...../
V/v Khảo nghiệm tinh dê

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN XIN KHẢO NGHIỆM TINH DÊ GIỐNG**Kính gửi:** Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và PTNT

Tên tổ chức, cá nhân xin khảo nghiệm:

Giấy đăng ký kinh doanh số:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:.....

Đề nghị Cục Chăn nuôi cho phép khảo nghiệm..... liều tinh dê giống.

Cụ thể như sau:

| STT | Tên giống dê | Phẩm cấp giống | Số hiệu dê đực giống | Số lượng liều tinh | Năm sản xuất | Xuất xứ |
|-----|--------------|----------------|----------------------|--------------------|--------------|---------|
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| 3 | | | | | | |
| 4 | | | | | | |
| | | | | | | |

Tổng số:.....

Bằng chữ:

Thời gian khảo nghiệm:

Địa điểm khảo nghiệm:

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHẢO NGHIỆM
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 6
MẪU SỔ THEO DÕI KẾT QUẢ PHỐI GIỐNG CỦA DÊ ĐỰC GIỐNG
 (Áp dụng đối với dê đực giống phối giống trực tiếp)

| Số hiệu con đực | Ngày phối giống | Kết quả phối giống | Số con/lứa | Ghi chú |
|-----------------|-----------------|--------------------|------------|---------|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

Phụ lục 7
LỊCH LẤY TINH

| Ngày, tháng, năm | Số hiệu dê đực | | | | Ghi chú |
|------------------|----------------|----------|----------|----------|---------|
| | Đực số 1 | Đực số 2 | Đực số 3 | Đực số 4 | |
| 20-10-07 | + | | + | | |
| 21-10-06 | | + | | + | |
| 22-10-06 | + | | + | | |
| 23-10-06 | | + | | + | |